

Số: 13/2021/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 353/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp GH, xã AD, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Anh Trần Tấn L, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Tô Thị Cẩm Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp TT B, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp TT B, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Anh L, chị Th và bà T thừa nhận hiện nay có nợ chị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi là 14.940.000 đồng. Thời hạn và cách thức trả như sau:

- Vào ngày 30/01/2021 âm lịch anh L, chị Th và bà T có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

- Vào ngày 30/03/2021 âm lịch anh L, chị Th và bà T có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi là 14.940.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị H phải nộp là 3.936.750 đồng.
- Anh L, chị Th và bà T phải liên đới nộp là 3.936.750 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu L pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện TH Phú;
- Chi Cục THADS huyện TH Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Vân**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).